

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KCN-VP

Bắc Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2022

V/v doanh nghiệp đẩy mạnh
thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành
chính, nhận kết quả giải quyết
qua dịch vụ bưu chính công ích

Kính gửi: Doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022.

Nhằm đảm bảo thuận tiện cho doanh nghiệp giảm thiểu thời gian đi lại để thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính, nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của Ban tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Ban Quản lý các KCN đề nghị các doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính, nhận kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban theo **Phụ lục** gửi kèm.

Đề nghị các doanh nghiệp quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Cường

Phục lục
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ,
 TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
 CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**

STT		Lĩnh vực/Thủ tục hành chính
I		LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
1	1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
2	2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư
3	3	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các KCN
4	4	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
	4.1	<i>Trường hợp 1: thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư</i>
	4.2	<i>Trường hợp 2: thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</i>
5	5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
6	6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
7	7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
8	8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
9	9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
10	10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng

		đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
11	11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
12	12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
13	13	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
14	14	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý các KCN
15	15	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
16	16	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	17	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18	18	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài
19	19	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
20	20	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
II		LĨNH VỰC XÂY DỰNG
21	1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
22	2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
23	3	Cấp giấy phép xây dựng
24	4	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo
25	5	Cấp giấy phép di dời công trình
26	6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng
27	7	Gia hạn giấy phép xây dựng
28	8	Cấp lại giấy phép xây dựng
III		LĨNH VỰC LAO ĐỘNG
29	1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
30	2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

31	3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
32	4	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
33	5	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
34	6	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
IV		LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI
35	1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
36	2	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
37	3	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
38	4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
39	5	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép